TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 446/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp *"*ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 423/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1990. Cư trú tại: Ấp XM, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn B, sinh năm 1980. Cư trú tại: Ấp XM, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh B chung sống với nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh B thường xuyên đánh và xúc phạm chị. Chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị T và anh B có một người con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 27/6/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn B nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng T và anh Lê Văn B chung sống với nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh B.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chí T. Xét thấy: Từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu T sống chung với chị T vẫn phát triển đầy đủ về mặt thể chất lẫn tinh thần và theo biên bản ghi nguyện vọng con chung thể hiện cháu T có nguyện vọng sống chung với chị T. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] về nợ: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Hồng T và anh Lê Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 27/6/2012 cho chị Nguyễn Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009855 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng